

Số: **1210** /TB-HĐTS

Thanh Hoá, ngày 23 tháng 08 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh bổ sung đợt 1 đại học chính quy năm 2023**

Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá thông báo tuyển sinh bổ sung (đợt 1) đại học chính quy năm 2023, như sau:

**1. Thông tin chung:**

- Tên trường: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
- Mã trường: DVD
- Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa: Số 561, đường Quang Trung, P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. ĐT: 02373713496; 0904480222 (cô Phương); 0988655387 (cô Yến); 0915112336 (Thầy Chương); 0795862666 (Thầy Dũng).

**2. Đối tượng tuyển sinh:**

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT.

**3. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

**4. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển; Kết hợp xét tuyển với thi tuyển

**Ghi chú:**

- *Thi tuyển các môn năng khiếu đối với các ngành có Tổ hợp xét môn Năng khiếu*
- *Sử dụng kết quả thi năng khiếu tại trường hoặc kết quả thi năng khiếu do hội đồng thi trường khác tổ chức có chung hình thức tổ chức thi.*

***Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (Mã PTXT: 100);***

***Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (Mã PTXT: 200);***

***Phương thức 3: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc 2022 (Mã PTXT: 500)***

**5. Mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển**

| TT | Ngành học           | Mã ngành | Mã tổ hợp          | Ngưỡng điểm nhận hồ sơ ĐKXT |                 |           | Chỉ tiêu  |
|----|---------------------|----------|--------------------|-----------------------------|-----------------|-----------|-----------|
|    |                     |          |                    | Học bạ                      | THPT 2021, 2022 | THPT 2023 |           |
| 1  | Giáo dục Mầm non    | 7140201  | M01, M02, M03, M07 | 26.09                       | 26.5            | 26.99     | <b>02</b> |
| 2  | Giáo dục Tiểu học   | 7140202  | M00, M03, D01, C20 | 27.3                        | 27              | 27.4      | <b>03</b> |
| 3  | Sư phạm Âm nhạc     | 7140221  | N00                | 24.1                        | 25              | 26.1      | <b>01</b> |
| 4  | Sư phạm Mỹ thuật    | 7140222  | H00                | 22.65                       | 23.5            | 25.3      | <b>01</b> |
| 5  | Thanh nhạc          | 7210205  | N00                | 16,5                        | 15              | 15        | <b>04</b> |
| 6  | Đồ họa              | 7210104  | H00                | 16,5                        | 15              | 15        | <b>15</b> |
| 7  | Thiết kế Thời trang | 7210404  | H00                | 16,5                        | 15              | 15        | <b>20</b> |

| TT | Ngành học                                    | Mã ngành  | Mã tổ hợp          | Ngưỡng điểm nhận hồ sơ ĐKXT |                 |           | Chỉ tiêu |
|----|----------------------------------------------|-----------|--------------------|-----------------------------|-----------------|-----------|----------|
|    |                                              |           |                    | Học bạ                      | THPT 2021, 2022 | THPT 2023 |          |
| 8  | Quản lý Thể dục Thể thao                     | 7810301   | T00, T03, T05, T08 | 16,5                        | 15              | 15        | 18       |
| 9  | Ngôn ngữ Anh                                 | 7220201   | D96, D72, D15, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 96       |
| 10 | Luật                                         | 7380101   | C00, D78, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 46       |
| 11 | Du lịch                                      | 7810101   | C00, D78, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 84       |
| 12 | Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành          | 7810103   | C00, D78, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 71       |
| 13 | Quản trị Khách sạn                           | 7810201   | C00, D78, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 59       |
| 14 | Thông tin - Thư viện                         | 7320201   | C00, D78, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 56       |
|    | Chuyên ngành: Thư viện - Thiết bị trường học | 7320201 A | C00, D78, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        |          |
|    | Chuyên ngành: Văn thư - Lưu trữ              | 7320201 B | C00, D78, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        |          |
|    | Chuyên ngành: Công nghệ thông tin ứng dụng   | 7320201 C | C00, D78, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        |          |
| 15 | Công tác Xã hội                              | 7760101   | C00, C15, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 39       |
| 16 | Quản lý Văn hóa                              | 7229042   | C00, C15, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 29       |
| 17 | Quản lý Nhà nước                             | 7310205   | C00, C15, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 75       |
| 18 | Công nghệ Truyền thông                       | 7320106   | C00, C15, C20, D66 | 16,5                        | 15              | 15        | 9        |

### **Ghi chú:**

#### **1. Ngưỡng điểm nhận hồ sơ ĐKXT:**

- Là tổng điểm 3 môn thi ở tất cả các tổ hợp (không nhân hệ số) cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có), đồng thời đảm bảo ngưỡng đầu vào được ghi trong Đề án tuyển sinh năm 2023 của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

- Mức chênh lệch giữa hai nhóm đối tượng ưu tiên kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (không phẩy hai lăm điểm). Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên =  $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$ .

- Đối với PTXT Xét kết quả học tập cấp THPT (Mã PTXT: **200**):

+ Các ngành: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học: ĐTB các môn Văn hóa ở 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11; học kỳ 1 lớp 12) hoặc 2 học kỳ lớp 12 trong tổ hợp xét phải đạt từ **8.0** trở lên (hoặc học lực lớp 12 đạt loại Giỏi trở lên, hoặc điểm TB xét TN THPT từ **8.0** trở lên);

+ Các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật: ĐTB các môn Văn hóa ở 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11; học kỳ 1 lớp 12) hoặc 2 học kỳ lớp 12 trong tổ hợp xét phải đạt từ **6.5** trở lên (hoặc học lực lớp 12 đạt loại Khá trở lên, hoặc điểm TB xét TN THPT từ **6.5** trở lên);

- Đối với PTXT xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (Mã PTXT: **100**) và xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc 2022 (Mã PTXT: **500**): Điều kiện kết hợp: Tổ hợp xét tuyển các ngành có môn thi năng khiếu phải đảm bảo:

+ Đối với tổ hợp có 02 môn năng khiếu: Điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên  $\times \frac{1}{3} \geq \frac{1}{3} \times$  ngưỡng đảm bảo chất lượng.

+ Đối với tổ hợp có 01 môn năng khiếu: Tổng điểm 2 môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên  $\times \frac{2}{3} \geq \frac{2}{3} \times$  ngưỡng đảm bảo chất lượng.

## **6. Hồ sơ đăng ký xét tuyển**

### **6.1. Đối với phương thức 1 (Mã PTXT: 100) và phương thức 3 (Mã PTXT: 500)**

Hồ sơ gồm: Phiếu ĐKXT (theo mẫu Phụ lục 1), Bản sao công chứng Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (mã PTXT: 100) hoặc năm 2021, 2022 (mã PTXT: 500) và 1 phong bì dán tem ghi rõ số địa chỉ, số điện thoại người nhận Giấy báo nhập học.

### **6.2. Đối với phương thức sử dụng kết quả học tập THPT**

Hồ sơ gồm: Phiếu ĐKXT (theo mẫu Phụ lục 2), bản sao công chứng các giấy tờ: học bạ, bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có); 01 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ liên hệ;

## **7. Thời gian và hình thức đăng ký**

- Thời gian ĐKXT: Từ ngày 25/08/2023 đến trước 17h00 ngày 15/09/2023.

- Nộp hồ sơ ĐKXT trực tiếp tại Trường hoặc qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa: Số 561, đường Quang Trung, Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. ĐT: 02373713496; 0904480222 (cô Phương); 0988655387 (cô Yên).

## **8. Nguyên tắc xét tuyển**

Hội đồng xét tuyển có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, dựa trên các tiêu chí sau:

- *Tiêu chí 1:* Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ngưỡng điểm nhận hồ sơ ĐKXT của Nhà trường.

- *Tiêu chí 2:* Xét lấy từ cao xuống thấp đến khi lấy đủ chỉ tiêu tuyển sinh./.

### **Nơi nhận:**

- HĐTS (để b/c);
- Lưu VP, QLĐT;

**KT.CHỦ TỊCH HĐTS  
PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
Nguyễn Thị Thục**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**  
(Sử dụng kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm ..... Mã PTXT: .....)

**Kính gửi:** HĐTS Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

**THÔNG TIN THÍ SINH**

Họ tên (viết hoa có dấu):.....

Ngày sinh: ...../...../.....Giới tính: .....Dân tộc:.....

Số CMND/CCCD:.....

Nơi sinh:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Tên trường THPT (học lớp 12): .....

Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3 (khoanh tròn)

Đối tượng UT: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 (khoanh tròn nếu có)

Địa chỉ nhận giấy báo trúng tuyển (ghi rõ số nhà, thôn, xóm):.....

.....Điện thoại: .....

**THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

Tôi xin ĐKXT trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa các ngành sau:

| STT   | Tên ngành đăng ký xét tuyển | Mã ngành | Môn xét tuyển | Điểm thi | Tổng điểm |
|-------|-----------------------------|----------|---------------|----------|-----------|
| ..... | .....                       | .....    | Môn 1: .....  | .....    | .....     |
|       |                             | .....    | Môn 2: .....  | .....    |           |
|       |                             | .....    | Môn 3: .....  | .....    |           |
| ..... | .....                       | .....    | Môn 1: .....  | .....    | .....     |
|       |                             | .....    | Môn 2: .....  | .....    |           |
|       |                             | .....    | Môn 3: .....  | .....    |           |

Xếp loại học lực lớp 12: .....

Xếp loại hạnh kiểm lớp 12: .....

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng. Nếu sai, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày.....tháng.....năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

(ký, ghi rõ họ tên)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023**  
(Theo phương thức sử dụng kết quả học tập bậc THPT)**Kính gửi:** HĐTS Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa**THÔNG TIN THÍ SINH**

Họ tên (viết hoa có dấu):.....

Ngày sinh: ...../...../.....Giới tính: .....Dân tộc:.....

Số CMND/CCCD:.....

Nơi sinh:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Tên trường THPT (học lớp 12): .....

Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3 (khoanh tròn)

Đối tượng UT: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 (khoanh tròn nếu có)

Địa chỉ nhận giấy báo trúng tuyển (ghi rõ số nhà, thôn, xóm):.....

.....Điện thoại: .....

**THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

Tôi xin ĐKXT vào ngành: .....

**Mã ngành**

|  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|

Tổ hợp môn xét tuyển:

| Môn \ Lớp        | Lớp 11   |           | Lớp 12   |           | Điểm TB môn<br>(là điểm TB của 3 học kỳ - 2 HK lớp 11 và HK 1 lớp 12; hoặc điểm TB của 2 HK lớp 12) |
|------------------|----------|-----------|----------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  | Học kỳ I | Học kỳ II | Học kỳ I | Học kỳ II |                                                                                                     |
| Môn 1: .....     |          |           |          |           |                                                                                                     |
| Môn 2: .....     |          |           |          |           |                                                                                                     |
| Môn 3: .....     |          |           |          |           |                                                                                                     |
| <b>Tổng điểm</b> |          |           |          |           |                                                                                                     |

Xếp loại học lực lớp 12: .....

Xếp loại hạnh kiểm lớp 12: .....

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng. Nếu sai, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày.....tháng.....năm 2023

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**

(ký, ghi rõ họ tên)